



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2024: 11.000.000.000 đồng.

Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 252 3816 118
- Fax: (84) 252 3817 595
- Website: www.stbbt.com.vn

Lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp

- Bán buôn sách giáo khoa; Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh đồ chơi trẻ em.
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư vốn hoạt động tài chính;

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 35 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Trần Văn Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
• Ông Nguyễn Văn So	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Vũ Bùi Biền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
• Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Lê Trung Phi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/04/2023

Ban kiểm soát

• Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
• Ông Lê Trung Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Vương Trí Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Minh Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2020
• Ông Nguyễn Khoa Tuyển	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 09 tháng 08 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 950/2024/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 09/08/2024 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.523.888.109	26.268.824.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.785.602.206	5.318.477.315
1. Tiền	111		1.785.602.206	5.318.477.315
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.527.528.334	4.821.281.793
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.426.483.468	3.702.936.694
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.760.769.666	457.999.660
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	655.786.434	988.775.673
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(315.511.234)	(328.430.234)
IV. Hàng tồn kho	140	10	12.164.310.312	6.105.751.558
1. Hàng tồn kho	141		13.383.202.672	7.591.120.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.218.892.360)	(1.485.368.566)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.447.257	23.314.209
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.447.257	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	23.314.209
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.123.235.146	1.143.238.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		395.315.146	415.318.150
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	395.315.146	415.318.150
- Nguyên giá	222		3.479.933.936	3.479.933.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.084.618.790)	(3.064.615.786)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	-	-
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		727.920.000	727.920.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		22.647.123.255	27.412.063.025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.092.761.152	11.899.581.977
I. Nợ ngắn hạn	310		8.092.761.152	11.899.581.977
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.350.960.016	5.751.088.932
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	621.460.844	245.325.652
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	134.783.597	579.466.625
4. Phải trả người lao động	314		1.214.863.243	3.694.955.050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	125.426.441	899.061.208
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	55.555.556	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		10.414.400	85.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		579.297.055	644.184.510
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.554.362.103	15.512.481.048
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	14.554.362.103	15.512.481.048
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	2.213.696.100	2.213.696.100
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	1.228.255.992	2.186.374.937
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		756.374.937	472.109.472
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		471.881.055	1.714.265.465
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		22.647.123.255	27.412.063.025



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 09 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyển

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyển

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	35.682.134.895	34.209.676.940
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	478.685.569	248.076.686
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		35.203.449.326	33.961.600.254
4. Giá vốn hàng bán	11	24	31.575.829.489	29.856.797.006
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		3.627.619.837	4.104.803.248
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	289.676.974	340.824.598
7. Chi phí tài chính	22	26	29.617.000	24.092.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	2.136.334.065	2.326.004.651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	1.035.934.279	1.109.493.486
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		715.411.467	986.037.709
11. Thu nhập khác	31		548.234	123.649
12. Chi phí khác	32		70.391.293	13.505
13. Lợi nhuận khác	40		(69.843.059)	110.144
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		645.568.408	986.147.853
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	173.687.353	202.196.145
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		471.881.055	783.951.708
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	429	584
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	429	584



Giám đốc

Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 09 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		33.857.900.139	30.858.616.549
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(41.471.117.253)	(41.900.133.678)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.047.018.450)	(2.967.004.126)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(214.001.035)	(200.938.591)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.376.695.500	963.929.879
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.796.681.023)	(1.361.621.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.294.222.122)	(14.607.151.188)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(200.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	11.700.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	391.347.013	351.103.435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.191.347.013	12.051.103.435
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	(324.805.730)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	(1.430.000.000)	(1.210.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.430.000.000)	(1.534.805.730)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.532.875.109)	(4.090.853.483)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	5.318.477.315	4.312.073.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.785.602.206	221.220.158



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 09 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyển

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyển

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Bán buôn sách giáo khoa; Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh đồ chơi trẻ em.
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư vốn hoạt động tài chính;

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 (bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi số kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên và tính theo phương pháp giá bán lẻ với giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	Hết khấu hao
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	Hết khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10% (từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/06/2024, Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT là 8% đối với một số mặt hàng được quy định tại Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội).
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	333.127.000	30.499.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.452.475.206	5.287.978.315
Cộng	1.785.602.206	5.318.477.315

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
Nguyễn Thị Kim Chung	425.413.723	-
Nguyễn Ý Nhã	360.333.259	-
Các đối tượng khác	4.640.736.486	3.702.936.694
Cộng	5.426.483.468	3.702.936.694

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục Bình Minh	1.392.034.700	-
Các đối tượng khác	368.734.966	457.999.660
Cộng	1.760.769.666	457.999.660

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	201.004.109	-
Tạm ứng	33.740.080	-	10.500.000	-
Ký quỹ, ký cược	530.239.745	-	680.510.700	-
Phải thu khác	91.806.609	-	96.760.864	-
Cộng	655.786.434	-	988.775.673	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Số đầu kỳ	328.430.234	454.157.267
Trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	12.919.000	35.082.269
Số dự phòng cuối kỳ	315.511.234	419.074.998

10. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	13.383.202.672	(1.218.892.360)	7.591.120.124	(1.485.368.566)
Cộng	13.383.202.672	(1.218.892.360)	7.591.120.124	(1.485.368.566)

- Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2024 là 2.536.410.578 đồng. Hiện nay công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2023.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	412.465.000	3.479.933.936
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	412.465.000	3.479.933.936
Khấu hao				
Số đầu kỳ	1.593.807.295	1.082.872.651	387.935.840	3.064.615.786
Khấu hao trong kỳ	14.746.752	-	5.256.252	20.003.004
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.608.554.047	1.082.872.651	393.192.092	3.084.618.790
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	390.788.990	-	24.529.160	415.318.150
Số cuối kỳ	376.042.238	-	19.272.908	395.315.146

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 2.553.078.752 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá 83.000.000 đồng, đã khấu hao hết.

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	210.725.800	210.725.800
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	210.725.800	210.725.800
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số đánh cuối kỳ	-	-

- Bất động sản đầu tư là nhà cho thuê tại 13 Nguyễn Du có nguyên giá 210.725.800 đồng, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024.
- Không có bất động sản đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	30/06/2024			01/01/2024			Giá trị hợp lý
			Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	-	300.000.000	-	-
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD)(ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	-	616.204.800	427.920.000	-	427.920.000
Cộng			727.920.000	-	616.204.800	727.920.000	-	427.920.000	

- (i) Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích dự phòng.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	3.202.962.472	1.904.322.704
Các đối tượng khác	2.147.997.544	3.846.766.228
Cộng	5.350.960.016	5.751.088.932

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	3.202.962.472	1.904.322.704
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	217.665.414	772.834.570
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	23.888.990	-
Cộng		3.444.516.876	2.677.157.274

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Lê Thị Kim Thoa	52.107.875	-
Các đối tượng khác	569.352.969	245.325.652
Cộng	621.460.844	245.325.652

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	370.444.514	53.150.417	423.594.931	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	157.141.565	173.687.353	214.001.035	-	116.827.883
Thuế thu nhập cá nhân	-	51.880.546	148.473.453	182.398.285	-	17.955.714
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	23.314.209	-	40.707.136	17.392.927	-	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	23.314.209	579.466.625	421.018.359	842.387.178	-	134.783.597

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí hoa hồng môi giới	100.426.441	854.061.208
Chi phí phải trả khác	25.000.000	45.000.000
Cộng	125.426.441	899.061.208

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Doanh thu cho thuê nhà	55.555.556	-
Cộng	55.555.556	-

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	11.000.000.000	112.410.011	2.102.380.161	1.682.109.472	14.896.899.644
Tăng trong kỳ	-	-	111.315.939	2.226.318.785	2.337.634.724
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.722.053.320	1.722.053.320
Số dư tại 31/12/2023	11.000.000.000	112.410.011	2.213.696.100	2.186.374.937	15.512.481.048
Số dư tại 01/01/2024	11.000.000.000	112.410.011	2.213.696.100	2.186.374.937	15.512.481.048
Tăng trong kỳ	-	-	-	471.881.055	471.881.055
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.430.000.000	1.430.000.000
Số dư tại 30/06/2024	11.000.000.000	112.410.011	2.213.696.100	1.228.255.992	14.554.362.103

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.430.000.000	1.210.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.186.374.937	1.682.109.472
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	471.881.055	783.951.708
Phân phối lợi nhuận	1.430.000.000	1.210.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.430.000.000	1.210.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.430.000.000	1.210.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.228.255.992	1.256.061.180

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 31/NQ-ĐHCD-2024 ngày 09/04/2024.

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 09/04/2024 đã thông qua phương án chia cổ tức với tỷ lệ 13% vốn điều lệ (tương ứng 1.430.000.000 đồng). Trong đó: cổ tức đợt 2 năm 2022 là 1% và cổ tức năm 2023 là 12%. Công ty đã thực hiện chi trả trong 6 tháng đầu năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

<u>Nợ khó đòi đã xử lý</u>	<u>VNĐ Nguyên nhân xóa nợ</u>	
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Quản lý Dự án Kiên Long	43.250.000	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế ECENTER Phan Thiết	30.000.000	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	Nợ không thu hồi được
Các đối tượng khác	429.525.579	
Cộng	647.212.832	

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>	<u>6 tháng đầu năm 2023</u>
Doanh thu bán sách giáo khoa	28.549.985.310	28.310.617.670
Doanh thu bán sách tham khảo	622.087.436	706.760.647
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.486.200.417	985.260.066
Doanh thu bán hàng hóa khác	3.844.446.989	4.152.493.102
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	179.414.743	54.545.455
Cộng	35.682.134.895	34.209.676.940

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>	<u>6 tháng đầu năm 2023</u>
Hàng bán bị trả lại	478.685.569	248.076.686
Cộng	478.685.569	248.076.686

24. Giá vốn hàng bán

	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>	<u>6 tháng đầu năm 2023</u>
Giá vốn sách giáo khoa	26.618.125.126	25.823.857.091
Giá vốn sách tham khảo	390.475.582	442.642.927
Giá vốn thiết bị giáo dục	1.473.886.664	479.548.029
Giá vốn hàng hóa khác	3.093.342.117	3.110.748.959
Cộng	31.575.829.489	29.856.797.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	190.342.904	201.292.476
Chiết khấu thanh toán	99.334.070	115.532.122
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	24.000.000
Cộng	289.676.974	340.824.598

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	29.617.000	24.092.000
Cộng	29.617.000	24.092.000

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nhân công	1.248.822.114	1.866.633.583
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.256.252	5.256.252
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	49.583.300	164.347.890
Hoàn nhập chi phí trả trước về bán hàng	-	(558.070.729)
Các khoản khác	832.672.399	847.837.655
Cộng	2.136.334.065	2.326.004.651

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nhân công	666.874.279	755.586.996
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	100.220.528	126.735.583
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.746.752	14.746.752
Các khoản khác	254.092.720	212.424.155
Cộng	1.035.934.279	1.109.493.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	645.568.408	986.147.853
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	53.215.811	24.832.872
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	53.215.811	48.832.872
- Điều chỉnh giảm (cổ tức và lợi nhuận được chia)	-	24.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	698.784.219	1.010.980.725
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	173.687.353	202.196.145
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	139.756.843	202.196.145
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	33.930.510	-

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	471.881.055	783.951.708
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(141.111.307)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	141.111.307
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	471.881.055	642.840.401
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	429	584

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” 6 tháng đầu năm 2024 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông sau này.

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” 6 tháng năm 2023 được trình bày lại căn cứ vào số liệu trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 09/04/2024.

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nhân công	1.915.696.393	2.622.220.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.003.004	20.003.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.664.168	128.134.734
Chi phí khác bằng tiền	1.063.904.779	665.139.820
Cộng	3.172.268.344	3.435.498.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty thường vay cán bộ công nhân viên khi cần bổ sung vốn lưu động hoặc vay ngắn hạn ngân hàng. Đây là những khoản vay với lãi suất thỏa thuận, ổn định và có tính chất tạm thời. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>30/06/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	5.350.960.016	-	5.350.960.016
Chi phí phải trả	125.426.441	-	125.426.441
Phải trả khác	10.414.400	-	10.414.400
Cộng	5.486.800.857	-	5.486.800.857
<u>01/01/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	5.751.088.932	-	5.751.088.932
Chi phí phải trả	899.061.208	-	899.061.208
Phải trả khác	85.500.000	-	85.500.000
Cộng	6.735.650.140	-	6.735.650.140

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.785.602.206	-	1.785.602.206
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Phải thu khách hàng	5.110.972.234	-	5.110.972.234
Phải thu khác	622.046.354	-	622.046.354
Cộng	7.518.620.794	727.920.000	8.246.540.794
<u>01/01/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.318.477.315	-	5.318.477.315
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	3.374.506.460	-	3.374.506.460
Phải thu khác	978.275.673	-	978.275.673
Cộng	19.671.259.448	727.920.000	20.399.179.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Mua hàng			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách các loại, thiết bị trường học	22.009.574.104	24.548.520.913
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Thiết bị trường học	504.222.971	955.397.408
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách các loại	6.304.660.081	9.735.688.350
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Cổ tức đã chia	572.000.000	484.000.000

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Nội dung	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Ông Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.200.000
	Giám đốc	Lương, thưởng	146.328.500	171.899.000
Ông Nguyễn Văn So	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.200.000
Ông Vũ Bùi Biền	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.200.000
Ông Lê Trung Phi	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.200.000	3.000.000
Ông Nguyễn Khoa Tuyển	Thư ký HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.200.000
	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	120.779.900	77.080.000
Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao	4.800.000	4.800.000
Ông Lê Trung Nhân	Thành viên BKS	Thù lao	3.600.000	3.600.000
Ông Vương Trí Thịnh	Thành viên BKS	Thù lao	3.600.000	3.600.000
Ông Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	87.787.300	142.544.100

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 09 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền